TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **74** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 tháng 10 năm 2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Quyên;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng và ông Tạ Văn Đài.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đào Duy Mạnh - Thẩm tra viên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 475/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2018/QĐST- HNGĐ ngày 02/10/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Vũ Thị Minh T, sinh năm 1990.
- ***Bị đơn:*** Anh Bùi Quốc H, sinh năm 1987.

Cùng trú tại: Số 317, thôn Đ, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn: Chị Vũ Thị Minh T trình bày:

Chị và anh Bùi Quốc H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/5/2012.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Quốc H là do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không phù hợp, anh H ham chơi gây ra nợ nần và không có khả năng chi trả, vì thương con còn nhỏ chị và gia đình chị đã cố gắng khuyên nhủ và đưa hết số tiền vợ chồng tích góp được cho anh trả nợ nhưng anh H vẫn không thay đổi, do vậy cuộc

sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cải vã. Hiện tại tuy chị và anh H vẫn sống chung nhà, nhưng vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến đến nhau, mạnh ai người đó sống nên tình cảm vợ chồng phai nhạt.

Về con chung: Có 01 con chung là: Bùi Vũ Gia H1, sinh ngày 06/01/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và tạm thời không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị cam kết vợ chồng không có nợ chung.

- Bị đơn anh Bùi Quốc H không trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay không có lý do. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định pháp luật.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Vũ Thị Minh T, cho chị T được ly hôn với anh H và giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*:** Chị Vũ Thị Minh T khởi kiện về việc "Ly hôn, nuôi con" đối với bị đơn là anh Bùi Quốc H, trú tại: Số 317, thôn Đ, ấp B, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Quốc H đã từ chối nhận các văn bản tố tụng và không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh Bùi Quốc H vẫn cố tình vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa Chị Vũ Thị Minh T và anh Bùi Quốc H là hợp pháp, vì các đương sự kết hôn tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật bảo vệ.

2.1.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thì thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp . Do đó, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải mục đích để kêu gọi đoàn tụ nhưng không đạt kết quả vì anh H cố tình vắng mặt. Trong suốt quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với anh H. Vì giữa chị và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm chăm sóc đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Anh H không đến Tòa án làm việc càng chứng không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình, anh H bế tắc không thuyết phục được chị T trở về đoàn tụ và mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn biện pháp khắc phục.

2.1.2. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau, trong khi đó hôn nhân của chị T và anh H không có hạnh phúc, không có sự quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Do vậy căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp thuận cho chị T được ly hôn với anh H.

2.2. Về con chung: Chị Vũ Thị Minh T yêu cầu được muôi con khi ly hôn, anh H không có ý kiến phản đối hoặc tranh chấp về việc ai là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Bùi Vũ Gia H1, sinh ngày 06/01/2016 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

2.3. Về tài sản chung: Không tranh chấp, nợ chung: Chị T khai không có nên không đề cập.

[3] ***Về án phí sơ thẩm***: Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 ; Điều 228; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 ; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9,

Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Minh T được ly hôn với anh Bùi Quốc H.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị Minh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bùi Vũ Gia H1, sinh ngày 06/01/2016. Tạm thời chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh Bùi Quốc H.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 000680 ngày 23/7/2018. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (GCNKH số 47; quyển số 01/2012);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Quyên